

Báo cáo cập nhật KQKD Quý 2/2026 – DPM

HOSE · DPM · Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo – Phú Mỹ)



LNST CỔ ĐÔNG MẸ · Q2

906tỷ đồng · **+124,8% YoY**

DOANH THU THUẦN · Q2

6.986tỷ đồng · **+31,8% YoY**

BIÊN LỢI NHUẬN GỘP

23,8%

+6,9 điểm % YoY

ROE · TRƯỢT 4 QUÝ

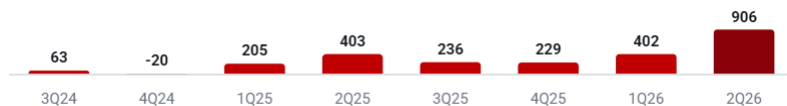
15,5%

ROA 9,6% · tiền ròng

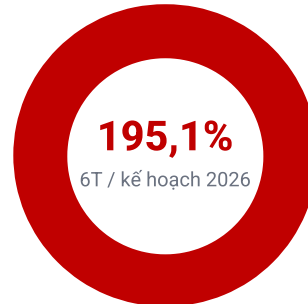
ĐÁNH GIÁ KQKD QUÝ 2/2026

Quý 2/2026, mức lợi nhuận của DPM **cao nhất trong mười quý gần nhất**: LNST cổ đông mẹ **906 tỷ đồng (+124,8% YoY)** trên doanh thu **6.986 tỷ đồng (+31,8% YoY)**. Động lực nằm ở biên gộp: doanh thu tăng 31,8% còn giá vốn chỉ tăng 20,8%, đưa biên gộp từ **16,9% lên 23,8%**. Tổng sản lượng tiêu thụ 6 tháng đầu năm toàn bộ sản phẩm chỉ tăng 4,2%, nên tăng trưởng đến từ giá bán, không phải quy mô. **TCBS Research** cho rằng P/E 8,4 lần đã phản ánh chu kỳ giá ure đảo chiều và lợi nhuận đã đạt đỉnh, do đó nhà đầu tư nên theo dõi thêm trước khi quyết định đầu tư.

LNST cổ đông mẹ theo quý · tỷ đồng



TIẾN ĐỘ LỢI NHUẬN NĂM



* Trên kế hoạch LNST 2026 là 680 tỷ đồng theo ĐHĐCĐ 23/04/2026; kế hoạch doanh thu 17.600 tỷ đã đạt 71,6%.

ĐIỂM NHẤN

906
TỶ · Q2/26
Lợi nhuận cao nhất trong mười quý
lũy kế 6T 1.308 tỷ, +115,2% YoY · vượt 95% kế hoạch năm

23,8%
BIÊN GỘP
Biên gộp cao nhất trong mười quý
ure 41%, NH3 51% · 1 điểm % biên ≈ 70 tỷ LN gộp

6.998
TIỀN RÒNG
Tiền ròng bằng 47% vốn hóa
tiền và đầu tư tài chính 10.230 tỷ so vay ngắn hạn 3.232 tỷ

CẦN THEO DÕI

-23,5%
URÊ Q2
Sản lượng ure Quý 2 giảm mạnh
201,7 nghìn tấn · 6T mới đạt 53% kế hoạch sản lượng năm

-52%
GIÁ URÊ ĐNÁ
Giá ure đã mất hơn nửa từ đỉnh
858 USD/tấn tháng 4 xuống 414 USD/tấn tháng 7

53%
KH URÊ 6T
Ure mới đạt 53% kế hoạch sản lượng
nửa cuối phải bán 384,5 nghìn tấn, dồn vào vụ Đông Xuân

TRIỂN VỌNG 2026

Nền giá tạo ra lợi nhuận Quý 2 đã giảm: giá ure hạt đục Đông Nam Á đạt đỉnh **858 USD/tấn tháng 4** rồi rơi về **414 USD/tấn tháng 7**, giá nội địa tại TP.HCM cũng lùi từ vùng 18.500 về quanh 13.000 đồng/kg, trong khi sản lượng ure 6T mới đạt 53% kế hoạch năm. Tin Trung Quốc có thể sắp cấp hạn ngạch xuất khẩu đợt 2 cũng tạo sức ép lên giá bán thế giới. Dự phóng TCBS Research cho 2026: doanh thu **20.209 tỷ đồng (+22,0%)**, LNST cổ đông mẹ **1.823 tỷ đồng (+69,9%)**, EPS 2.680 đồng, biên gộp 21,2%.

LNST 2026F · DỰ PHÓNG TCBS

1.823tỷ đồng · **+69,9% YoY**
doanh thu 20.209 tỷ (+22,0%)

EPS 2026F

2.680đồng/cp · **+69,8% YoY**
P/E dự phóng 8,2x

BIÊN LN GỘP 2026F

21,2%cao hơn 0,5 điểm %
so 6T (20,7%)

CỔ TỨC 2026 · KẾ HOẠCH

1.200đồng/cp · 12% mệnh giá
tỷ suất 5,5%

THÔNG TIN CỔ PHIẾU & ĐỊNH GIÁ · tại ngày 07/08/2026

GIÁ · ĐỒNG

21.850

VỐN HÓA · TỶ Đ

14.856

P/E · LẦN

8,4

P/B · LẦN

1,3

SH NƯỚC NGOÀI

3,3%

SLCP · TRIỆU

679,9

1. Đánh giá của TCBS

Quan điểm về kết quả Quý 2/2026, cấu trúc tăng trưởng và khoảng cách với dự phóng

TCBS đánh giá Quý 2/2026 của DPM **đạt kết quả cao nhưng gần như toàn bộ đóng góp đến từ giá bán**. LNST cổ đông công ty mẹ đạt **906 tỷ đồng (+124,8% YoY; +125,4% QoQ)**, cao nhất trong mười quý gần nhất, trên doanh thu thuần **6.986 tỷ đồng (+31,8% YoY)**. Toàn bộ phần lợi nhuận tăng thêm nằm ở khoảng chênh giữa giá bán và giá vốn: doanh thu tăng 31,8% trong khi giá vốn chỉ tăng 20,8% lên 5.321 tỷ đồng, kéo lợi nhuận gộp tăng **85,6% lên 1.665 tỷ** và biên gộp từ **16,9% lên 23,8%**, mức cao nhất kể từ đầu 2024. Theo thông tin từ Công ty, riêng Quý 2, sản lượng urê tiêu thụ **giảm 23,5% so cùng kỳ** xuống 201,7 nghìn tấn trong khi giá bán bình quân **tăng 47% lên 15.900 đồng/kg**. Lũy kế sáu tháng, tổng sản lượng tiêu thụ chỉ tăng **4,2%** nhưng doanh thu đạt **12.609 tỷ đồng (+33,8% YoY)** và LNST cổ đông mẹ **1.308 tỷ đồng (+115,2% YoY)**, tương ứng **71,6% kế hoạch doanh thu** và **195% kế hoạch lợi nhuận** năm theo ĐHĐCĐ ngày 23/04/2026. Khoảng vượt lớn này chủ yếu cho thấy giả định khi lập kế hoạch quá thận trọng.

Nửa cuối năm khó lặp lại nhịp của nửa đầu, chủ yếu do giá bán, không phải chi phí. Dư địa sản lượng đã thu hẹp: phân bón thương mại sáu tháng đạt **103% kế hoạch cả năm** và NPK 80%, riêng urê mới đạt 53% nên nửa cuối phải bán thêm **384,5 nghìn tấn**, phần lớn trông vào vụ Đông Xuân quý 4. Theo dữ liệu AgroMonitor, giá urê hạt đục Đông Nam Á lập đỉnh **858 USD/tấn trong tháng 4** rồi rơi về **414 USD/tấn trong tháng 7**, tương đương mất 52%; giá urê tại TP.HCM cũng lùi từ vùng 18.500 đồng/kg về quanh 13.000 đồng/kg, trong khi giá bán urê bình quân Quý 2 của doanh nghiệp là 15.900 đồng/kg. Áp lực còn ở phía trước: thị trường đang có **tin Trung Quốc cấp hạn ngạch xuất khẩu đợt 2**. Ban lãnh đạo DPM ước quy mô khoảng 2 triệu tấn ở mức chào quanh 400 USD/tấn. Gói thầu nhập **1,7 triệu tấn urê của Ấn Độ** tạo lực cầu, nhưng ban lãnh đạo cho biết giá chào ban đầu dự kiến thấp hơn cũng do tin từ Trung Quốc. Chi phí đầu vào chỉ tăng nhẹ: giá khí bình quân 6T đạt **10,82 USD/MMBTU, chỉ cao hơn 2% so cùng kỳ**. Về định giá, tại thị giá **21.850 đồng** ngày 07/08/2026, cổ phiếu giao dịch ở **P/E trượt 4 quý 8,4 lần, P/B 1,3 lần và EV/EBITDA 7,9 lần**, với ROE trượt 4 quý 15,5%. So với bình quân 12 tháng của chính DPM (P/E 18,8 lần, P/B 1,51 lần, EV/EBITDA 16,1 lần, tính trên 248 phiên), mặt bằng hiện tại thấp hơn rõ rệt, nhưng phần lớn khoảng cách ở P/E và EV/EBITDA đến từ việc EPS trượt 4 quý tăng từ 957 lên 2.607 đồng, không phải do giá giảm; **P/B ít chịu ảnh hưởng của nền so sánh này và chỉ thấp hơn khoảng 13%**. Bảng cân đối vẫn rất chắc: tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn **10.230 tỷ đồng** so nợ vay ngắn hạn 3.232 tỷ, tức tiền ròng khoảng **6.998 tỷ, bằng 47% vốn hóa**.

DỰ PHÓNG 2026 THEO TCBS RESEARCH

- 01** Doanh thu 20.209 tỷ đồng (+22,0%), LNST cổ đông mẹ 1.823 tỷ (+69,9%), EPS 2.680 đồng – EBITDA 2.429 tỷ, biên gộp 21,2%, ROE 15,4%; theo thị giá 07/08 cho P/E dự phóng 8,2 lần và P/B dự phóng 1,2 lần.
- 02** Dự phóng hàm ý nửa cuối năm đạt 515 tỷ lợi nhuận trên 7.600 tỷ doanh thu – cao hơn nửa cuối 2025 lần lượt 10,8% và 6,4%. Mức này đòi hỏi biên gộp giữ gần mức nửa đầu dù giá urê đã rời đỉnh, nên khả thi nhưng gần như không còn dư địa vượt.
- 03** Cổ tức – kế hoạch 2026 là 12% mệnh giá (1.200 đồng/cp, tỷ suất 5,5%); riêng cổ tức 2025 tỷ lệ 15% (1.500 đồng/cp) có ngày giao dịch không hưởng quyền 03/08/2026 và thanh toán 22/09/2026.

2. Kết quả kinh doanh Quý 2/2026

Bức tranh doanh thu – lợi nhuận và tiến độ so kế hoạch năm

Quý 2/2026 là quý **lợi nhuận cao nhất trong mười quý gần nhất** của DPM. LNST cổ đông mẹ đạt **906 tỷ đồng, tăng 124,8% so cùng kỳ** và 125,4% so quý liền trước; doanh thu 6.986 tỷ đồng tăng 31,8% YoY và 24,2% QoQ theo đúng nhịp cao điểm vụ Hè Thu. Lợi nhuận trước thuế 1.116 tỷ đồng, gấp 2,2 lần cùng kỳ, trong khi thuế suất hiệu dụng gần như không đổi ở mức 17,9%.

CÁC NHẬN XÉT CHÍNH

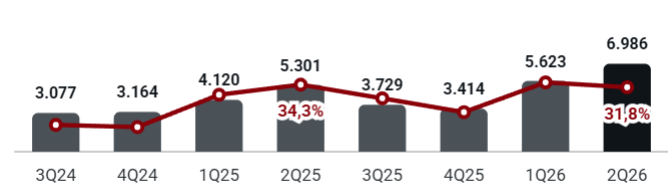
- 01** Biên gộp tăng 6,9 điểm % lên 23,8% – doanh thu tăng 31,8% nhưng giá vốn chỉ tăng 20,8%, đưa lợi nhuận gộp lên 1.665 tỷ (+85,6%). Đây là mức biên cao nhất trong mười quý và giải thích gần như toàn bộ mức tăng lợi nhuận.
- 02** Chi phí bán hàng và quản lý tăng 59,6% lên 726 tỷ – chiếm 10,4% doanh thu so 8,6% cùng kỳ. Tính cả sáu tháng, tỷ lệ này là 9,4% so với 9,2%, tức mức tăng của riêng Quý 2 mang tính thời điểm nhiều hơn là leo thang cấu trúc.
- 03** Lãi tài chính và thu nhập khác đóng góp thêm 177 tỷ – chênh lệch giữa lợi nhuận từ hoạt động cốt lõi (939 tỷ) và LNTT, so với 60 tỷ cùng kỳ, chủ yếu nhờ lãi tiền gửi trên nền tiền và đầu tư tài chính hơn 10.000 tỷ trong khi chi phí lãi vay chỉ 37 tỷ.

LNST CỔ ĐÔNG MẸ 906 tỷ đồng · +124,8% YoY	DOANH THU THUẦN 6.986 tỷ đồng · +31,8% YoY	LỢI NHUẬN GỘP 1.665 tỷ đồng · biên gộp 23,8%
CHI PHÍ BH & QLDN 726 tỷ đồng · +59,6% YoY · 10,4% DT	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ 1.116 tỷ đồng · +122,3% YoY	EPS TRƯỢT 4 QUÝ 2.607 đồng/cp · +172,4% YoY

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Q2/2026	Q2/2025	%YoY	Q1/2026	%QoQ
Doanh thu thuần	6.986	5.301	+31,8	5.623	+24,2
Giá vốn hàng bán	(5.321)	(4.404)	+20,8	(4.682)	+13,6
Lợi nhuận gộp	1.665	897	+85,6	941	+76,9
Biên lợi nhuận gộp (%)	23,8	16,9	+6,9đ	16,7	+7,1đ
Chi phí bán hàng & QLDN	(726)	(455)	+59,6	(464)	+56,5
Lợi nhuận thuần hoạt động	939	442	+112,4	477	+96,9
Lợi nhuận trước thuế	1.116	502	+122,3	515	+116,7
LNST cổ đông mẹ	906	403	+124,8	402	+125,4
EPS trượt 4 quý (đồng)	2.607	957	+172,4	1.868	+39,6

■ Doanh thu thuần theo quý

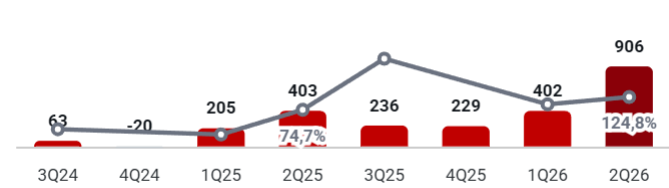
Tỷ đồng · đường = tăng trưởng YoY (%)



Nguồn: BCTC hợp nhất DPM, TCBS Research.

■ LNST cổ đông mẹ theo quý

Tỷ đồng · đường = tăng trưởng YoY (%)



Nguồn: BCTC hợp nhất DPM, TCBS Research.

3. Phân tích các chỉ số tài chính

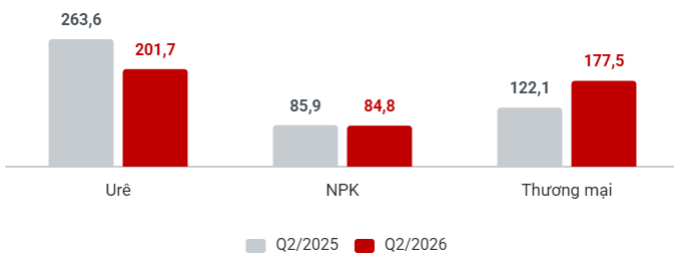
Trực phân tích ngành phân bón: sản lượng và giá bán, biên gộp và giá khí, bảng cân đối, sinh lời và cổ tức

3.1. Sản lượng tiêu thụ & giá bán — lượng hay giá dẫn dắt?

Giá bán là yếu tố dẫn dắt tăng trưởng trong quý này. Riêng Quý 2, sản lượng urê Phú Mỹ tiêu thụ chỉ **201,7 nghìn tấn, giảm 23,5% YoY** và 13,7% so quý trước, trong khi giá bán bình quân đạt **15.900 đồng/kg, tăng 47% YoY**. Lũy kế sáu tháng, urê đạt 435,5 nghìn tấn (-13,3%), NPK 143,8 nghìn tấn (+14,9%) và phân bón thương mại 317,9 nghìn tấn (+39,1%); tổng sản lượng tiêu thụ 964,5 nghìn tấn, chỉ tăng **4,2%** so cùng kỳ trong khi doanh thu tăng 33,8%.

■ Sản lượng tiêu thụ Quý 2

Nhìn tấn · Q2/2025 so Q2/2026



Nguồn: Công bố thông tin DPM, TCBS Research.

■ **Đánh giá:** giá bán urê đã quay đầu ngay trong quý: giá Đông Nam Á rời đỉnh 858 USD/tấn tháng 4 về 414 USD/tấn tháng 7. Dư địa sản lượng nửa cuối năm hẹp: phân bón thương mại đã đạt 103% kế hoạch cả năm và NPK 80%, riêng urê mới đạt 53% nên phải bán 384,5 nghìn tấn trong nửa cuối, gần bằng mức nửa đầu, trong khi quý 3 là mùa thấp điểm và phần lớn khối lượng dồn vào vụ Đông Xuân quý 4.

3.2. Biên lợi nhuận gộp, giá khí đầu vào & chi phí bán hàng

Biên gộp **23,8%**, tăng 6,9 điểm % so cùng kỳ và 7,1 điểm % so quý trước, là mức cao nhất trong mười quý. Chi phí đầu vào không giải thích mức tăng này: giá khí bình quân sáu tháng là **10,82 USD/MMBTU, chỉ cao hơn 2% so cùng kỳ** (cước vận chuyển 4,69 USD/MMBTU, +6%).

■ **Lợi nhuận dồn vào hai mảng** — biên gộp Quý 2 theo dòng sản phẩm: urê **41%**, amoniac **51%**, UFC85 34%, còn NPK chỉ **8,1%** do giá lưu huỳnh đầu vào tăng mạnh. Trên nền doanh thu quý hiện tại, mỗi 1 điểm % biên gộp hợp nhất tương đương khoảng **70 tỷ đồng** lợi nhuận gộp, nên kết quả rất nhạy với riêng giá urê.

■ **Chi phí bán hàng và quản lý sáu tháng tăng 37,6% lên 1.190 tỷ đồng**, nhưng tỷ lệ trên doanh thu gần như đi ngang ở 9,4% so với 9,2% cùng kỳ. Mức 10,4% của riêng Quý 2 do đó chưa phải dấu hiệu chi phí leo thang.

■ **Đánh giá:** mức mở rộng 6,9 điểm % so cùng kỳ có hai lớp. Phân bón chịu thuế GTGT 5% từ 01/07/2025 nên thuế đầu vào được khấu trừ **đều đặn mỗi quý** kể từ đó, còn Quý 2/2025 chưa có nên nền so sánh bị thấp đi một cách cơ học. So với Quý 1/2026, kỳ đã có đủ khoản này, biên vẫn tăng 7,1 điểm % và đó mới là phần do giá bán. Rủi ro nằm ở giá urê đã giảm hơn nửa từ đỉnh tháng 4 và vẫn đang dao động ở vùng này.

■ Biên lợi nhuận gộp theo quý

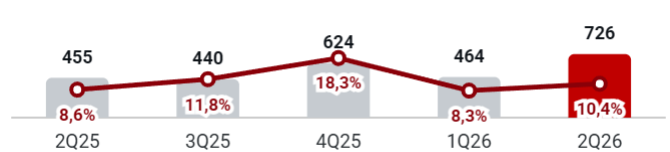
% · biến động theo chênh lệch giá urê và giá khí



Nguồn: BCTC hợp nhất DPM, TCBS Research.

■ Chi phí bán hàng & QLDN

Tỷ đồng · đường = % doanh thu (trục phải)



Nguồn: BCTC hợp nhất DPM, TCBS Research.

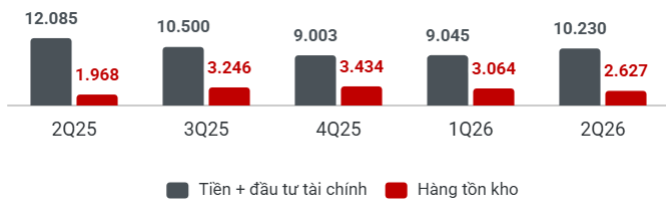
3.3. Bảng cân đối – tiền ròng, vốn lưu động & nhịp đầu tư mới

Bảng cân đối của DPM lành mạnh. Cuối Quý 2/2026, tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn đạt **10.230 tỷ đồng** so với nợ vay ngắn hạn 3.232 tỷ, tương ứng **tiền ròng khoảng 6.998 tỷ, bằng 47% vốn hóa** và 55% tổng tài sản 18.496 tỷ. Doanh nghiệp không có nợ vay dài hạn, tỷ lệ vốn chủ trên tổng tài sản 62,4%.

- **Vốn lưu động vẫn trong vùng an toàn** – tồn kho 2.627 tỷ tăng 33,5% YoY nhưng đã giảm 14,3% so quý trước, tương đương khoảng 60,8 ngày giá vốn trượt 4 quý so 53,8 ngày cùng kỳ; phải thu ngắn hạn 1.500 tỷ, khoảng 27,7 ngày doanh thu so 20,0 ngày cùng kỳ. Dòng tiền kinh doanh sáu tháng **1.815 tỷ đồng**, gấp 1,37 lần lợi nhuận sau thuế, xác nhận lợi nhuận có tiền thật đi kèm.
- **Đánh giá:** chi đầu tư sáu tháng vọt lên **465 tỷ đồng** từ mức 61 tỷ cùng kỳ và tài sản cố định tăng 320 tỷ chỉ trong Quý 2, phù hợp với việc triển khai nhóm dự án hóa chất mới. Vốn chủ giảm 272 tỷ so quý trước dù lãi 916 tỷ, do ghi nhận nghĩa vụ cổ tức 2025 khoảng 1.020 tỷ và trích lập các quỹ. Rủi ro bảng cân đối thấp; điểm cần theo dõi là hiệu suất sinh lời của lượng tiền lớn đang gửi ngân hàng và tiến độ giải ngân các dự án mới.

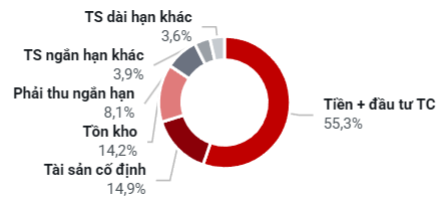
■ Tiền cộng đầu tư tài chính và hàng tồn kho

Tỷ đồng · cuối quý



■ Cơ cấu tổng tài sản – Q2/2026

Tỷ đồng · tổng 18.496 tỷ



Nguồn: BCTC hợp nhất DPM, TCBS Research.

Nguồn: BCTC hợp nhất DPM, TCBS Research.

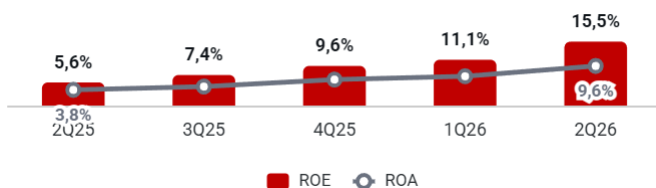
3.4. Khả năng sinh lời & cổ tức

ROE trượt 4 quý đạt 15,5% và ROA 9,6%, cải thiện liên tục từ nền 5,6% và 3,8% của Quý 2/2025. Phân tích cho thấy phần lớn mức cải thiện đến từ biên lợi nhuận ròng trượt 4 quý, tăng gấp hơn hai lần lên 9,0% từ 4,2%; vòng quay tài sản góp thêm một phần khi lên 1,07 lần từ 0,84 lần, còn đòn bẩy gần như đứng yên ở 1,60 lần. Mức cải thiện này gắn với chu kỳ giá hơn là với thay đổi trong mô hình kinh doanh.

- **Cổ tức tiền mặt đã lùi về mặt bằng thấp hơn hẳn giai đoạn 2021–2022** – 1.500 đồng/cp cho cả hai năm 2024 và 2025, so với 7.000 đồng của năm 2022. Đợt cho năm 2025 có ngày giao dịch không hưởng quyền 03/08/2026, tỷ suất 6,9% theo thị giá 07/08. Kế hoạch 2026 là 12% mệnh giá, tương đương 1.200 đồng/cp và tỷ suất 5,5%.
- **Đánh giá:** EPS trượt 4 quý 2.607 đồng và BVPS 16.693 đồng cho P/E 8,4 lần, P/B 1,3 lần. Loại phần tiền ròng 6.998 tỷ khỏi vốn hóa, hoạt động kinh doanh đang được định giá quanh 4,4 lần lợi nhuận trượt 4 quý: mức chiết khấu hợp lý với một doanh nghiệp có lợi nhuận theo chu kỳ giá urê, song cũng cho thấy thị trường đang đánh giá khả năng duy trì biên gộp hiện tại là không cao.

■ ROE & ROA

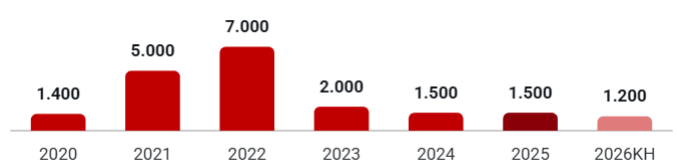
% · trượt 4 quý · cột: ROE, đường: ROA (trục phải)



Nguồn: BCTC hợp nhất DPM, TCBS Research.

■ Cổ tức tiền mặt theo năm cổ tức

Đồng/cổ phiếu · 2026 theo kế hoạch ĐHĐCĐ



Nguồn: Công bố thông tin DPM, TCBS Research.

Phụ lục – Số liệu BCTC Quý 2/2026

Trích lược bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm quý gần nhất

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Q2/2025	Q3/2025	Q4/2025	Q1/2026	Q2/2026
Tiền & tương đương tiền	971	788	1.168	1.191	1.461
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.114	9.712	7.835	7.854	8.769
Phải thu ngắn hạn	858	1.368	1.390	2.024	1.500
Hàng tồn kho	1.968	3.246	3.434	3.064	2.627
Tài sản ngắn hạn	15.337	15.691	14.509	14.774	15.075
Tài sản cố định	2.567	2.487	2.463	2.438	2.758
Tài sản dài hạn	3.205	3.127	3.267	3.383	3.421
TỔNG TÀI SẢN	18.542	18.818	17.776	18.157	18.496
Nợ phải trả	6.822	7.476	6.244	6.340	6.951
– trong đó vay ngắn hạn	3.635	4.642	4.164	3.167	3.232
– trong đó vay dài hạn	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	11.720	11.342	11.533	11.817	11.545

Báo cáo kết quả kinh doanh (tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Q2/2025	Q3/2025	Q4/2025	Q1/2026	Q2/2026
Doanh thu thuần	5.301	3.729	3.414	5.623	6.986
Giá vốn hàng bán	(4.404)	(3.010)	(2.746)	(4.682)	(5.321)
Lợi nhuận gộp	897	719	668	941	1.665
Biên lợi nhuận gộp (%)	16,9	19,3	19,6	16,7	23,8
Chi phí bán hàng & QLDN	(455)	(440)	(624)	(464)	(726)
Lợi nhuận trước thuế	502	353	245	515	1.116
LNST cổ đông mẹ	403	236	229	402	906
EBITDA	540	380	139	570	1.049
EPS trượt 4 quý (đồng)	957	1.212	1.578	1.868	2.607

Nguồn: BCTC hợp nhất DPM, TCBS Research.

Phụ lục – Mô hình tài chính & dự phóng theo năm · 2021–2030

Đơn vị: tỷ đồng (trừ các dòng tỷ lệ, lần, %, số ngày) · Cột 2026–2030 là số liệu dự phóng

Chỉ tiêu	THỰC HIỆN					DỰ PHÓNG · TCBS				
	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
Số lượng cổ phiếu (triệu)	679,9	679,9	679,9	679,9	679,9	679,9	679,9	679,9	679,9	679,9
P/E (lần)	4,0	2,2	21,4	22,9	13,2	8,2	7,5	7,1	6,8	6,4
EPS (đồng/cp)	4.584	8.184	764	790	1.578	2.680	2.930	3.084	3.230	3.396
P/B (lần)	1,2	0,9	1,0	1,1	1,2	1,2	1,1	1,1	1,1	1,0
BVPS (đồng/cp)	15.465	20.341	16.723	16.181	16.696	18.036	19.501	20.118	20.764	21.444
EV/EBITDA (lần)	6,3	1,6	17,1	20,3	15,8	6,9	6,5	6,2	5,9	5,6
ROE	33,5%	45,7%	4,1%	4,8%	9,6%	15,4%	15,6%	15,6%	15,8%	16,1%
Biên lợi nhuận gộp	37,4%	42,1%	12,2%	14,1%	17,7%	21,2%	21,2%	21,2%	21,2%	21,2%
Biên lợi nhuận hoạt động	27,7%	33,8%	2,2%	2,7%	6,1%	10,1%	10,1%	10,1%	10,1%	10,1%
Biên lợi nhuận ròng	24,4%	29,9%	3,8%	4,0%	6,5%	9,0%	9,1%	9,2%	9,1%	9,1%
Doanh thu / Tài sản	0,9	1,1	1,0	0,8	0,9	1,1	1,1	1,1	1,1	1,2
(Vay – Tiền) / Vốn CSH	-0,47	-0,59	-0,57	-0,63	-0,42	-0,42	-0,44	-0,45	-0,45	-0,46
Nợ phải trả / Vốn CSH	0,30	0,26	0,15	0,48	0,54	0,53	0,50	0,50	0,49	0,39
EBIT / Lãi vay (lần)	51,1	97,3	5,9	7,5	7,1	11,8	12,7	13,3	14,0	14,7
Vay / EBITDA (lần)	0,2	0,1	0,5	2,3	2,7	1,7	1,6	1,5	1,5	1,2
Số ngày phải thu	14	9	17	18	31	23	23	23	23	23
Số ngày tồn kho	127	131	59	54	92	92	92	92	92	92
Capex / Tài sản cố định	6%	2%	8%	3%	13%	12%	12%	15%	15%	17%
Doanh thu thuần	12.786	18.627	13.569	13.496	16.564	20.209	21.825	22.916	24.062	25.265
Tăng trưởng doanh thu		46%	-27%	-1%	23%	22%	8%	5%	5%	5%
EBITDA	4.080	6.819	704	752	1.400	2.429	2.600	2.720	2.846	2.978
LNST cổ đông công ty mẹ	3.117	5.565	519	538	1.073	1.823	1.992	2.097	2.197	2.309
Tăng trưởng lợi nhuận		79%	-91%	4%	99%	70%	9%	5%	5%	5%
Tiền & đầu tư ngắn hạn	5.979	8.964	6.627	10.469	9.003	9.341	10.104	10.344	10.621	9.424
Phải thu ngắn hạn	489	458	642	653	1.390	1.286	1.389	1.459	1.532	1.608
Hàng tồn kho	2.776	3.871	1.911	1.731	3.434	4.013	4.334	4.551	4.778	5.017
Tổng tài sản	13.918	17.699	13.309	16.552	17.776	19.049	20.227	20.772	21.349	20.479
Vay ngắn hạn	200	202	0	3.422	4.164	4.164	4.164	4.164	4.164	2.688
Vay dài hạn	700	505	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng vay	900	707	0	3.422	4.164	4.164	4.164	4.164	4.164	2.688
Tổng nợ phải trả	3.205	3.681	1.764	5.372	6.244	6.605	6.787	6.913	7.050	5.719
Vốn chủ sở hữu	10.713	14.017	11.545	11.180	11.533	12.444	13.440	13.859	14.299	14.761
Cân đối vốn dài hạn	7.368	10.583	8.081	8.021	8.481	9.540	10.665	11.147	11.672	12.212
Dòng tiền tự do (FCF)	4.829	6.956	-356	822	4.138	1.377	1.919	2.086	2.203	2.298

Nguồn: BCTC hợp nhất DPM, TCBS Research.

© Techcom Securities | Tầng 27, Tầng 28 và Tầng 29, Tòa C5 D'Capitale, số 119 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội |
Hotline: 1900 23 23 66 | www.tcbs.com.vn

Để không bỏ lỡ các báo cáo phân tích mới nhất từ TCBS Research, Quý khách vui lòng đăng ký địa chỉ email qua link sau: **Đăng ký**.

Mọi góp ý về báo cáo phân tích, Quý khách vui lòng gửi về địa chỉ research.feedback@tcbs.com.vn. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn.

Miễn trừ trách nhiệm:

Thông tin trong báo cáo được tổng hợp từ các nguồn TCBS đánh giá là đáng tin cậy tại thời điểm phát hành, nhưng TCBS không bảo đảm tính chính xác hoặc đầy đủ. Các nhận định phản ánh quan điểm của TCBS tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi.

Báo cáo chỉ nhằm mục đích tham khảo, không phải khuyến nghị đầu tư. Nhà đầu tư tự đánh giá và chịu trách nhiệm đối với quyết định của mình. Hiệu quả trong quá khứ không bảo đảm kết quả trong tương lai; đầu tư luôn có rủi ro, kể cả mất vốn.

Trong phạm vi pháp luật cho phép, TCBS không chịu trách nhiệm đối với tổn thất phát sinh từ việc sử dụng báo cáo. Báo cáo thuộc sở hữu của TCBS; mọi sao chép, trích dẫn hoặc phân phối lại phải được TCBS chấp thuận bằng văn bản.